|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Nguyên nhân gây viêm phổi ở trẻ em Việt Nam đứng hàng đầu là: |
|  | Hemophilus influenzae |
| \* | Phế cầu |
|  | Tụ cầu |
|  | Liên cầu |
| End |  |
| 002 | Nguyên nhân gây nhiễm khuẩn hô hấp trên ở trẻ em Việt Nam đứng hàng đầu là: |
|  | Vi khuẩn: Hemophilus influenzae, Phế cầu |
| \* | Virus |
|  | Nấm |
|  | Tất cả 3 ý kia |
| End |  |
| 003 | Trẻ 2 tháng tuổi ngưỡng thở nhanh khi : |
|  | 60 lần trong 1 phút trở lên |
| \* | 50 lần trong 1 phút trở lên |
|  | 40 lần trong 1 phút trở lên |
|  | 30 lần trong 1 phút trở lên |
| End |  |
| 004 | Dấu hiệu thở khò khè là dấu hiệu nguy kịch ở lừa tuổi : |
| \* | Trẻ 1,5 tháng |
|  | Trẻ 2 tháng |
|  | Trẻ 5 tháng |
|  | Trẻ 15 tháng |
| End |  |
| 005 | Trẻ 2 tháng, dấu hiệu chính của viêm phổi là: |
|  | Ho |
| \* | Nhịp thở nhanh |
|  | Rút lõm lồng ngực |
|  | Dấu hiệu nguy kịch |
| End |  |
| 006 | Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi, dấu hiệu chính của viêm phổi nặng là: |
|  | Ho |
|  | Nhịp thở nhanh |
| \* | Rút lõm lồng ngực |
|  | Dấu hiệu nguy kịch |
| End |  |
| 007 | Nguyên nhân chính gây viêm phổi ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Phế cầu |
|  | Liên cầu |
| \* | Vi khuẩn Gram(-) |
|  | Virus |
| End |  |
| 008 | Dấu hiệu không uống được hay gặp nhất trong bệnh nào dưới đây: |
|  | Viêm phổi nặng |
|  | Viêm Amidal |
|  | Viêm họng do liên cầu |
| \* | Áp xe thành sau họng |
| End |  |
| 009 | Các dấu hiệu chính của viêm họng do liên cầu là: |
|  | Sốt |
|  | Ho |
|  | Đau họng |
| \* | Hạch góc hàm sưng to và đau cùng với chất xuất tiết màu trắng ở thành sau họng. |
| End |  |
| 010 | Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi, dấu hiệu chính của bệnh rất nặng là: |
|  | Ho |
|  | Nhịp thở nhanh |
|  | Rút lõm lồng ngực |
| \* | Dấu hiệu nguy kịch |
| End |  |
| 011 | Đối với trẻ <2 tháng tuổi: dấu hiệu nguy kịch nào dưới đây **không phù hợp**: |
|  | Thở rít khi nằm yên |
|  | Ngủ li bì khó đánh thức |
| \* | Suy dinh dưỡng nặng |
|  | Thở khò khè |
| End |  |
| 012 | Đối với trẻ 2 tháng đến 5 tuổi: dấu hiệu nguy kịch nào đươi đây **không phù hợp**: |
|  | Thở rít khi nằm yên |
| \* | Thở khò khè |
|  | Suy dinh dưỡng nặng |
|  | Co giật |
| End |  |
| 013 | Trẻ 12 tháng tuổi ngưỡng thở nhanh là: |
|  | Tần số thở là: 30 lần/phút |
| \* | Tần số thở là: 40 lần/phút |
|  | Tần số thở là: 50 lần/phút |
|  | Tần số thở là: 60 lần/phút |
| End |  |
| 014 | Điều trị cho trẻ 3 tuổi bị viêm phổi nặng ngày đầu theo phác đồ; |
| \* | PenicillinG |
|  | Amoxicillin |
|  | Cephadin |
|  | Cefotaxim |
| End |  |
| 015 | Điều trị cho trẻ 1 tháng rưỡi viêm phổi nặng ngày đầu theo phác đồ: |
|  | Chloramphenicol |
|  | Cephadin |
|  | Cefotaxim |
| \* | Gentamixin + Penicilline |
| End |  |
| 016 | Điều trị viêm tai giữa chảy mủ cấp, theo phác đồ của TCYTTG. Ýnào sau đây **không phù hợp:** |
|  | Ampicilline |
|  | Amoxycilline |
|  | Bisepton |
| \* | Không dùng kháng sinh |
| End |  |
| 017 | Điều trị viêm họng do liên cầu, theo phác đồ của TCYTTG: |
|  | Ampicilline |
|  | Amoxycilline |
|  | Bisepton |
| \* | Benzathin Penicilline |
| End |  |
| 018 | Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi, Benzin Penicilline: Là thuốc ưu tiên điều trị ban đầu cho bệnh nào dưới đây: |
|  | Viêm tai giữa chẩy mủ cấp |
|  | Viêm tai gữa chẩy mủ mạn tính |
|  | Viêm phổi |
| \* | Viêm phổi nặng |
| End |  |
| 019 | Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi bị viêm phổi được điều trị bằng các thuốc kháng sinh sau: |
|  | Penicilline |
| \* | Cotrimoxazon |
|  | Chloramphenicol |
|  | Gentamicin |
| End |  |
| 020 | Một trẻ <2 tháng tuổi bị bệnh rất nặng, liều kháng sinh ban đầu tiêm cho trẻ là: |
|  | Chloramphenicol |
|  | Benzin Penicilline |
| \* | Benzin Penicilline + Gentamixin |
|  | Gentamixin |
| End |  |
| 021 | Một trẻ 2 tuổi, khó thở, thở khò khè lần đầu, đến trạm y tế được xử trí: |
|  | Cho thuốc giãn phế quản nhanh,cho liều kháng sinh đầu rồi chuyển ngay đi bệnh viện |
|  | Cho uống Salbutamol rồi chuyển ngay đi bệnh viện |
| \* | Cho thuốc giãn phế quản tác dụng nhanh, theo dõi 30 phút sau |
|  | Cho kháng sinh và thuốc giãn phế quản, theo rõi 30 phút |
| End |  |
| 022 | Liều lượng thở oxy bằng ống xông qua mũi đối với trẻ < 2 tháng tuổi: |
| \* | 0,5 lít/phút |
|  | 1 lít/phút |
|  | 1,5 lít/phút |
|  | 2 lít/phút |
| End |  |
| 023 | Liều lượng thở oxy bằng ống xông qua mũi đối với trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi: |
|  | 0,5 lít/phút |
| \* | 1 lít/phút |
|  | 1,5 lít/phút |
|  | 2 lít/phút |
| End |  |
| 024 | Một trẻ 1 tháng rưỡi tuổi, khó thở, thở khò khè lần đầu, đến trạm y tế được xử trí: |
|  | Cho thuốc giãn phế quản nhanh và kháng sinh rồi chuyển ngay đi bệnh viện |
| \* | Cho liều kháng sinh đầu rồi chuyển ngay đi bệnh viện |
|  | Cho thuốc giãn phế quản tác dụng nhanh rồi theo dõi 30 phút sau |
|  | Cho kháng sinh và thuốc giãn phế quản, theo rõi 30 phút |
| End |  |
| 025 | Hương 45 ngày tuổi, được mẹ đưa đến trạm y tế khám vì ho và sốt.  Qua hỏi bệnh bà mẹ cho bác sỹ biết: cháu ho và sốt 3 ngày nay, nhưng cháu vẫn bú tốt, cháu không bị co giật.  Qua khám bệnh thấy:   * Trẻ sốt 38o5, * Cân nặng 4,8kg, * Ho nhiều, thở khò khè, tần số thở 60 lần/phút, có rút lõm lồng ngực mạnh, phổi có ran ẩm to nhỏ hạt rải rác hai bên. * Các bộ phận khác chưa có gì đặc biệt.   Chẩn đoán là: |
|  | Viêm phổi. |
|  | Viêm phổi nặng. |
| \* | Viêm phổi rất nặng. |
|  | Không viêm phổi . |
| End |  |
| 026 | Cháu trai 1 tháng 20 ngày được mẹ đưa đến khám vì ho.  Qua hỏi bệnh bà mẹ cho biết: Cháu bị ho đã 4 ngày , cháu không sốt, vẫn bú tốt, không bị co giật, nhưng thấy cháu thở mạnh hơn bình thường.  Bác sỹ tiếp tục khám bệnh:   * Nhiệt độ 37oC, * Trẻ không li bì, không thở rít, không thở khò khè. * Tần số thở đếm lúc trẻ nằm yên là 62 lần/phút, có rút lõm lồng ngực mạnh. Nghe phổi có ran ẩm to nhỏ hạt rải rác hai bên. * Các bộ phận khác chưa thấy gì đặc biệt.   Chẩn đoán là |
|  | Viêm phổi. |
| \* | Viêm phổi nặng. |
|  | Viêm phổi rất nặng. |
|  | Không viêm phổi . |
| End |  |
| 027 | Cháu gái 8 tháng tuổi, được mẹ đưa đến trạm y tế khám vì ho và sốt.  Qua hỏi bệnh bà mẹ cho biết: Cháu bị ho và sốt 3 ngày nay, cháu bú kém. Cháu không bị co giật.  Qua khám bệnh thấy:   * Trẻ sốt 39oC. * Cân nặng 4,2kg. * Trẻ khó thở, tần số thở 55 lần/phút, không tím tái, rút lõm lồng ngực rõ. * Các bộ phận khác chưa thấy gì đặc biệt.   Trong các chẩn đoán sau, chẩn đoán nào phù hợp nhất: |
|  | Viêm phổi. |
|  | Viêm phổi nặng. |
| \* | Viêm phổi rất nặng. |
|  | Không viêm phổi . |
| End |  |